

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MỎ CÀY BẮC
TỈNH BẾN TRE

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 111/2024/DS-ST.

Ngày: 07-10-2024.

V/v: “Tranh chấp về chia tài sản chung, tranh chấp về thừa kế”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỎ CÀY BẮC, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Nguyễn.

Các Hội thẩm nhân dân:

+ Ông Đoàn Văn Vui.

+ Ông Phan Thành Phước.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Quỳnh Như - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Ông Phan Trọng Thế - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2024 và ngày 07 tháng 10 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre, Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 80/2021/TLST-DS ngày 28 tháng 4 năm 2021 về việc: “*Tranh chấp về chia tài sản chung, tranh chấp về thừa kế*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 218/2024/QĐXXST-DS ngày 26 tháng 8 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn:

+ Anh Lê Thanh T - Sinh năm: 1989;

+ Anh Lê Văn Thanh P - Sinh năm: 1986;

Cùng địa chỉ: Ấp T, xã K, huyện M, tỉnh Bến Tre.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Nguyễn Thành P1 - Sinh năm: 1996; địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre (có mặt).

- Bị đơn:

+ Cụ **Lữ Thị B** - Sinh năm: 1949; địa chỉ: Ấp T, xã K, huyện M, tỉnh Bến Tre.

+ Bà **Lê Thị Mộng L** - Sinh năm: 1984; địa chỉ: Ấp T, xã K, huyện M, tỉnh Bến Tre.

+ Bà **Lê Thị Ngọc T1** - Sinh năm: 1980; địa chỉ: Ấp T, xã K, huyện M, tỉnh Bến Tre.

+ Bà **Lê Thị T1** - Sinh năm: 1980; địa chỉ: Ấp T, xã K, huyện M, tỉnh Bến Tre.

+ Bà **Lê Thị Kim H** - Sinh năm: 1978; địa chỉ: Ấp T, xã K, huyện M, tỉnh Bến Tre.

*Người đại diện theo ủy quyền của cụ Lữ Thị B, bà Lê Thị Kim H, bà Lê Thị T1, bà Lê Thị Ngọc T1: Bà **Lê Thị Mộng L** - Sinh năm: 1984; địa chỉ: Ấp T, xã K, huyện M, tỉnh Bến Tre (có mặt).*

+ Bà **Lê Thị K** - Sinh năm: 1970; địa chỉ: Ấp V, xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre (có mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Bà **Đặng Thị Á** - Sinh năm: 1966; địa chỉ: Ấp T, xã K, huyện M, tỉnh Bến Tre (có mặt).

+ Ông **Đặng Văn H1** - Sinh năm: 1971; địa chỉ: Ấp T, xã K, huyện M, tỉnh Bến Tre (vắng mặt).

+ Bà **Trần Thị Kiều O** - Sinh năm: 1988; cùng địa chỉ: Ấp T, xã K, huyện M, tỉnh Bến Tre (vắng mặt).

+ Bà **Lê Thị D** - Sinh năm: 1980; địa chỉ: Ấp T, xã K, huyện M, tỉnh Bến Tre (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản khai, và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Cụ Lê Văn T2 và cụ Lữ Thị B có sáu người con gồm: Ông Lê Văn Á, bà Lê Thị K, bà Lê Thị Kim H, bà Lê Thị T1, bà Lê Thị Ngọc T1, bà Lê Thị Mộng L. Cụ Lê Văn T2 đã chết vào ngày 22/3/2012. Ông Lê Văn Á chết vào ngày 07/12/2004. Ông Á có vợ là bà Đặng Thị Á, có hai người con là anh Lê Văn Thanh P và anh Lê Thanh T.

Cụ T2, cụ B có 5.165m² đất thuộc thửa đất số 605, tờ bản đồ số 3, tọa lạc tại ấp T, xã K, huyện M, tỉnh Bến Tre. Sau khi cụ T2 chết thì bị đơn đã lập văn bản phân chia tài sản thừa kế được Ủy ban nhân dân xã K Tân chứng thực ngày 21/11/2016. Thửa đất số 605, tờ bản đồ số 3 được tách thành thửa 559, 560, 561, tờ bản đồ số 9. Sau đó bà L đã chuyển nhượng thửa 560 (diện tích 1690,9m²), thửa 561 (diện tích 465,1m²) cho ông H1, bà O. Trên thửa 559 hiện nay có căn nhà của bà Á, anh P đang ở, một căn nhà, chuồng heo của anh T, tiệm may của bà L, căn nhà của cụ B.

Cụ T2 chết nhưng không có để lại di chúc. Ông Á chết trước cụ T2 nên anh P, anh T là người thừa kế thế vị của ông Á; bị đơn lập văn bản phân chia tài sản thừa kế lại không có thỏa thuận với anh P, anh T là không đúng quy định của pháp luật; do các thửa đất 559, 560, 561 là tài sản chung của cụ T2 và cụ B nên nguyên đơn yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật đối với phần của cụ T2 là 1/2 tài sản là quyền sử dụng đất nêu trên thành 07 (bảy) phần, nguyên đơn sẽ nhận một phần mà ông Á được hưởng nếu còn sống. Cụ thể: Nguyên đơn yêu cầu được chia phần đất thuộc thửa 559C có diện tích 325,4m², thửa 559D có diện tích 106,3m², thuộc tờ bản đồ số 9 theo Họa đồ hiện trạng sử dụng đất ngày 25/3/2024. Nếu phần đất nguyên đơn yêu cầu nhận là nhiều hơn giá trị được chia thì nguyên đơn sẽ thanh toán lại giá trị phần chênh lệch cho bị đơn; đối với chuồng heo, hàng rào xung quanh chuồng heo là của anh T nên yêu cầu bị đơn phải thanh toán lại giá trị chuồng heo, hàng rào xung quanh chuồng heo theo mức giá Hội đồng định giá đã định giá. Nguyên đơn không có tranh chấp gì với bà Á.

Tại đơn yêu cầu phản tố, bản tự khai, trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn là cụ Lữ Thị B, bà Lê Thị Kim H, bà Lê Thị T1, bà Lê Thị Ngọc T1, bà Lê Thị Mộng L (cũng là người đại diện theo ủy quyền của cụ Lữ Thị B, bà Lê Thị Kim H, bà Lê Thị T1, bà Lê Thị Ngọc T1) trình bày:

Bị đơn đồng ý với lời trình bày của nguyên đơn về nguồn gốc phần đất có tranh chấp là của cụ B và cụ T2, về năm sinh, năm mất, thành phần những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của cụ T2 cũng như về người thừa kế thế vị của ông Á; ngoài những người như đã nêu thì cụ T2, cụ B không còn người con nào khác.

Đối với yêu cầu của nguyên đơn thì bị đơn chỉ chấp nhận giao cho nguyên đơn thửa 559C, nếu nguyên đơn nhận phần đất này có giá trị nhiều hơn phần được chia theo quy định của pháp luật thì phải thanh toán lại giá trị phần chênh lệch.

Cụ Lữ Thị B yêu cầu chia tài sản chung là quyền sử dụng đất tại các thửa đất số 559, 560, 561, tờ bản đồ số 9 làm hai phần gồm: Cụ Bá hưởng 1/2 và phần của cụ T2 (đã chết) là 1/2 các thửa đất nêu trên; cụ B yêu cầu được nhận phần đất tại vị trí mà bà L đã chuyển nhượng cho ông H1, đồng thời cụ B đồng ý với việc

chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa bà L với ông H1, chấp nhận sang tên đất cho ông H1, phần đất còn lại mà cụ B được chia thì cụ B đồng ý cho lại bà L; phần đất mà cụ T2 được chia thì cụ B yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật làm 07 (bảy) phần, phần mà cụ B được chia thừa kế thì cụ tặng cho lại cho bà L để bà L được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Bà L, bà H, bà Ngọc T1, bà T1 cùng có yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật đối với phần đất của cụ T2 để lại (1/2 diện tích đất thuộc các thửa 559, 560, 561, tờ bản đồ số 9) làm 07 phần; bà H, bà Ngọc T1, bà T1 đồng ý cho lại bà L phần đất mà mình được chia. Căn nhà mà bà Á xây cất cho anh T (tại thửa 559D) và chuồng heo, hàng rào xung quanh chuồng heo thì bà L, bà H, bà Ngọc T1, bà T1, cụ B không đồng ý bồi thường mà yêu cầu phải tháo dỡ, di dời; bị đơn không đồng ý bồi thường giá trị 05 (năm) cây dừa cho bà Á.

Tại đơn yêu cầu phân tố, bản tự khai, trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn là bà Lê Thị K trình bày:

Bà đồng ý với lời trình bày của nguyên đơn về nguồn gốc phần đất có tranh chấp là của cụ B và cụ T2, về năm sinh, năm mất, thành phần những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của cụ T2 cũng như về người thừa kế thế vị của ông Á; ngoài những người như đã nêu thì cụ T2, cụ B không còn người con nào khác.

Bà đồng ý với yêu cầu chia tài sản chung của cụ Lữ Thị Bá . Bà K yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật đối với phần đất của cụ T2 để lại (1/2 diện tích đất thuộc các thửa 559, 560, 561, tờ bản đồ số 9) làm 07 phần; bà K đồng ý cho lại bà L phần đất mà bà được chia. Căn nhà mà bà Á xây cất cho anh T (tại thửa 559D) và chuồng heo, hàng rào xung quanh chuồng heo thì bà K không đồng ý bồi thường mà yêu cầu phải tháo dỡ, di dời; bà không đồng ý bồi thường 05 (năm) cây dừa cho bà Á.

Tại đơn yêu cầu độc lập, bản tự khai, trong quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Đặng Thị Á trình bày: Bà thống nhất với lời trình bày, yêu cầu của nguyên đơn, phần chuồng heo, hàng rào xung quanh chuồng heo là của anh T nên nếu có bồi thường thì bồi thường cho anh T, bà không có tranh chấp gì với anh T, anh P. Riêng năm cây dừa trên thửa đất số 559E thì bà Á yêu cầu bị đơn bồi thường lại giá trị cho bà theo mức giá mà Hội đồng định giá đã định giá. Ngoài ra bà Á không có yêu cầu gì thêm.

Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Lê Thị D trình bày: Vào năm 2016, bà có nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất thuộc thửa 559 có chiều ngang là khoảng 2,26m, chiều dài là 30,71m từ bà L với giá là 20.000.000VNĐ (hai mươi triệu đồng); bà và bà L đã giao nhận

đất, tiền xong nhưng chưa làm thủ tục chuyển nhượng quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật. Bà không có tranh chấp, không có yêu cầu gì liên quan đến vụ án, trường hợp bà L không được chia phần đất mà bà L đã chuyển nhượng cho bà hoặc sau này bà và bà L có tranh chấp về đất thì bà sẽ khởi kiện trong một vụ án khác.

Tại bản khai, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Đặng Văn H1 trình bày: Năm 2016, ông có nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất từ bà L và đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

Nguyên đơn rút yêu cầu tuyên văn bản phân chia di sản thừa kế được Ủy ban nhân dân xã K Tân chứng thực ngày 21/11/2016 là vô hiệu. Nguyên đơn giữ nguyên lời trình bày, yêu cầu khởi kiện còn lại đồng thời yêu cầu được nhận 50m² đất ở nông thôn trong mỗi thửa đất được chia.

Bị đơn là bà L, đồng thời cũng là người đại diện theo ủy quyền của cụ B, bà H, bà T1, bà Ngọc T1 giữ nguyên lời trình bày, yêu cầu như trong giai đoạn chuẩn bị xét xử.

Bà K, bà Á giữ nguyên lời trình bày, yêu cầu như trong giai đoạn chuẩn bị xét xử.

Ông H1, bà O, bà D vắng mặt tại phiên tòa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre phát biểu: Người tiến hành tố tụng thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, người tham gia tố tụng thực hiện các quyền, nghĩa vụ theo quy định của pháp luật tố tụng. Về việc giải quyết vụ án: Sau khi tóm tắt nội dung vụ án, phân tích, đánh giá các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ vào các điều 21, 26, 35, 36, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các điều 649, 650, 651, 652, 660, 688 của Bộ luật Dân sự năm 2015; chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của bị đơn, chấp nhận yêu cầu độc lập của bà Á; cụ thể: Cụ B được chia tài sản chung là 1/2 các thửa đất số 559, 560, 561, tờ bản đồ số 9; chia thừa kế theo pháp luật đối với phần di sản của cụ T2 là 1/2 các thửa đất số 559, 560, 561, tờ bản đồ số 9 theo đó nguyên đơn được nhận thừa đất số 559C (diện tích 325,4m²), thửa 559D (diện tích 106,3m²), đề nghị Hội đồng xét xử xem xét việc chia các thửa đất là có đất ở nông thôn; nguyên đơn có nghĩa vụ hoàn lại giá trị chênh lệch so với phần giá trị được chia cho bà L; ghi nhận việc cụ B, bà H, bà T1, bà Ngọc T1, bà K chấp nhận tặng cho lại phần đất mà mình được chia cho bà L, bà L được nhận

các thửa đất số 559A, 559B, 559E, 559F, 560, 561, tờ bản đồ số 9; buộc bà L có nghĩa vụ hoàn trả lại giá trị 05 (năm) cây dừa cho bà Á và hoàn trả lại giá trị chuồng heo, hàng rào xung quanh chuồng heo cho anh T theo mức giá đã được Hội đồng định giá xác định. Ông H1, bà O, bà L không có tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 560, 561, tờ bản đồ số 9; bà D với bà L không có tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 559A, tờ bản đồ số 9 nên không xem xét. Kiến nghị cơ quan có thẩm quyền điều chỉnh, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các đương sự theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

[1] Đây là vụ kiện: Tranh chấp về chia tài sản chung, tranh chấp về thừa kế đối với phần đất tại ấp T, xã K, huyện M, tỉnh Bến Tre nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre theo quy định tại các điều 26, 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Bà D, ông H1, bà O vắng mặt tại các phiên hòa giải; anh T, anh P, bà L, bà D có đơn đề nghị không hòa giải nên vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được theo quy định tại Điều 207 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Bà D có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, ông H1, bà O vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai nên Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt bà D, ông H1, bà O theo quy định tại Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Tại đơn khởi kiện, nguyên đơn có yêu cầu tuyên văn bản phân chia tài sản thừa kế ngày 17/11/2016 được Ủy ban nhân dân xã K, huyện M, tỉnh Bến Tre chứng thực ngày 21/11/2016 là vô hiệu; tuy nhiên trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn rút đơn khởi kiện đối với yêu cầu này. Việc rút yêu cầu khởi kiện này của nguyên đơn là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu mà nguyên đơn đã rút đơn khởi kiện.

[4] Kết quả của việc xem xét, thẩm định tại chỗ, đo đạc, định giá tài sản, quy trình cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và lời trình bày của các đương sự xác định được:

[4.1] Phần đất có tranh chấp có nguồn gốc là thửa 605, tờ bản đồ số 3 được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho cụ T2, cụ B vào ngày 26/10/2005. Hiện nay là các thửa 559, 560, 561, tờ bản đồ số 9, tọa lạc tại ấp T, xã K, huyện M, tỉnh Bến Tre bao gồm: thửa 559A có diện tích 66,7m²; thửa 559B có diện tích 2078,7m²; thửa 559C có diện tích 325,4m²; thửa 559D có diện tích 106,3m²; thửa 559E có diện tích 269,3m²; thửa 559F có diện tích 216,4m²; thửa 560 có diện tích

1690,9m²; thửa 561 có diện tích 465,1m²; tổng diện tích phần đất đang tranh chấp là: 5.218,8m² trong đó có 300m² đất ở nông thôn, phần diện tích đất còn lại là đất trồng cây lâu năm. Đất ở có giá trị là 700.000VNĐ/m², đất trồng cây lâu năm có giá trị là 400.000VNĐ/m².

[4.2] Thửa 560, 561 hiện do ông H1, bà O đang sử dụng, trên đất có: Đường đi làm bằng xi măng, tường kè cặp đường đi, tường rào, nhà tiền chế, mái che, hàng rào xây gạch, hàng rào lưới B40, nhà khung cột bê tông cốt thép, mái lợp tole kẽm, vách xây gạch dày 100mm, quét vôi, không trần và cây trồng trên đất. Thửa 559A có tường rào do bà D xây dựng; thửa 559B có tiệm may, mái che của bà L; đường đi bê tông, xi măng, nhà chính, nhà sau, mái che vách lá, cửa cụ B, hàng rào trụ bê tông do bà L xây dựng; thửa 559C có nhà ở, mái che, nhà vệ sinh, cống nước tròn do bà Á, anh P xây dựng và đang quản lý; thửa 559D có căn nhà của anh T; thửa 559E có chuồng heo (có giá trị là 35.798.000VNĐ), hàng rào xung quanh chuồng heo (có giá trị là 7.616.000VNĐ) của anh T và 05 (năm) cây dừa trên 06 (sáu) năm tuổi (mỗi cây có giá trị là 1.650.000VNĐ) do bà Á trồng; thửa 559F trên đất có ba ngôi mộ có diện tích 28m².

[5] Phần đất đang tranh chấp là của cụ T2 và cụ B. Cụ T2 chết năm 2012, sau khi cụ T2 chết thì ngày 17/11/2016, cụ B, bà K, bà H, bà T1, bà Ngọc T1, bà L lập văn bản phân chia tài sản thừa kế trong khi các người con của ông Á (người thừa kế thế vị) không có mặt, không có văn bản đồng ý với nội dung văn bản phân chia tài sản thừa kế nên việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà L vào năm 2016 là không phù hợp với quy định của pháp luật.

[6] Phần đất có tranh chấp là của cụ T2 và cụ B nên cụ B được chia ½ tài sản là quyền sử dụng đất có tranh chấp; do cụ T2 đã chết mà không có để lại di chúc nên phần di sản của cụ T2 (1/2 tài sản trong khối tài sản chung với cụ B) sẽ được chia thừa kế theo pháp luật cho cụ B, ông Á, bà K, bà H, bà T1, bà Ngọc T1, bà L. Tuy nhiên do ông Á chết trước cụ T2 nên theo quy định tại Điều 652 của Bộ luật Dân sự năm 2015 thì hai người con của ông Á là anh P, anh T sẽ được hưởng phần di sản mà ông Á được hưởng nếu còn sống.

[7] Phần đất có tranh chấp là đất ở, đất trồng cây lâu năm cùng có chung một vị trí là nằm ngoài vị trí 1, 2, 3, 4. Tổng diện tích phần đất đang tranh chấp là: 5.218,8m² trong đó có 300m² đất ở nông thôn có giá trị là 210.00.000VNĐ (hai trăm mười triệu đồng); phần đất còn lại có 28m² là nền mộ nên trừ diện tích nền mộ ra để tính giá trị quyền sử dụng phần đất còn lại: 4918,8m² - 28m² = 4.890,8m² x 400.000VNĐ/m² = 1.956.320.000VNĐ (một tỷ chín trăm năm mươi sáu triệu ba trăm hai mươi ngàn đồng); như vậy tổng giá trị của phần đất có tranh chấp là 2.166.320.000VNĐ (hai tỷ một trăm sáu mươi sáu triệu ba trăm hai mươi

ngàn đồng); cụ B, cụ T2 mỗi người có phần tài sản trong khối tài sản chung là 1.083.160.000VNĐ (một tỷ không trăm tám mươi ba triệu một trăm sáu mươi ngàn đồng); trong đó phần di sản của cụ T2 chia thừa kế làm bảy phần thì mỗi phần được nhận là 154.737.000VNĐ (một trăm năm mươi bốn triệu bảy trăm ba mươi bảy ngàn đồng).

[8] Bà D không có tranh chấp gì liên quan đến vụ án, ông H1, bà O nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất thửa 560, 561 đã được điều chỉnh tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại trang 3, các bên không có tranh chấp gì về việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa bà L với ông H1, bà O; bà Á, anh P, anh T không có tranh chấp với nhau về phần tài sản trên đất, cụ B, bà H, bà T1, bà Ngọc T1, bà K không có tranh chấp với bà L và chấp nhận cho lại bà L phần đất được chia để bà L được công nhận quyền sử dụng đất cũng như đảm bảo cho việc chuyển quyền sử dụng đất giữa bà L với ông H1, bà O, bà D nên ghi nhận.

[9] Do phần đất có đất ở, đất trồng cây lâu năm có giá trị khác nhau nên việc chia thừa kế kết hợp giữa diện tích đất và giá trị quyền sử dụng đất.

[10] Trên phần đất thuộc thửa 559C, 559D có nhà, công trình phụ của bà Á, anh P, nhà của anh T, các công trình này được xây dựng dưới sự đồng ý của cụ T2, cụ B; bà Á, anh P, anh T cũng đã sử dụng nhiều năm nay nên chia cho anh T, anh P được nhận thừa đất số 559C, 559D, tờ bản đồ số 9. Theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì thửa 559 có 300m² đất ở nông thôn, trên đất có nhà của bà Á, anh P, nhà của anh T, nhà của cụ B nên chia mỗi thửa đất mà nguyên đơn được nhận có 50m² đất ở nông thôn. Thửa đất số 559C diện tích 325,4m² có 50m² đất ở nông thôn có giá trị là 35.000.000VNĐ (ba mươi lăm triệu đồng), 275,4m² đất trồng cây lâu năm có giá trị là 110.160.000VNĐ (một trăm mười triệu một trăm sáu mươi ngàn đồng); thửa đất số 559D có diện tích 106,3m², trong đó có 50m² đất ở nông thôn có giá trị là 35.000.000VNĐ (ba mươi lăm triệu đồng), 56,3m² đất cây lâu năm có giá trị là 22.520.000VNĐ (hai mươi hai triệu năm trăm hai mươi ngàn đồng); tổng giá trị của thửa 559C, 559D là 202.680.000VNĐ (hai trăm lẻ hai triệu sáu trăm tám mươi ngàn đồng) là nhiều hơn phần được chia là 47.943.000VNĐ (bốn mươi bảy triệu chín trăm bốn mươi ba ngàn đồng) nên anh P, anh T có nghĩa vụ giao trả lại cho bà L số tiền là 47.943.000VNĐ (bốn mươi bảy triệu chín trăm bốn mươi ba ngàn đồng).

[11] Đối với chuồng heo, hàng rào xung quanh chuồng heo, năm cây dừa trên thửa 559E đều được xây dựng trước thời điểm các bên phát sinh tranh chấp; phần đất này được giao lại cho bà L nên bà L có nghĩa vụ thanh toán lại cho anh T giá trị chuồng heo là 35.798.000VNĐ (ba mươi lăm triệu bảy trăm chín mươi tám ngàn đồng), giá trị của hàng rào xung quanh chuồng heo là 7.616.000VNĐ

(bảy triệu sáu trăm mười sáu ngàn đồng) và thanh toán lại cho bà Á giá trị của 05 (năm) cây dừa là 8.250.000VNĐ (tám triệu hai trăm năm mươi ngàn đồng).

[12] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[13] Xử lý tiền tạm ứng chi phí cho việc thu thập chứng cứ, xem xét thẩm định tại chỗ, đo đạc, định giá tài sản: Chi phí cho việc thu thập chứng cứ, xem xét thẩm định tại chỗ, đo đạc, định giá tài sản 13.204.000VNĐ (mười ba triệu hai trăm lẻ bốn ngàn đồng). Nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện, bị đơn là cụ B có yêu cầu chia tài sản chung, để xử lý yêu cầu chia thừa kế của các đương sự cần phải chia tài sản chung của cụ B, cụ T2 nên nguyên đơn, bị đơn mỗi bên phải chịu $\frac{1}{2}$ tiền chi phí cho việc thu thập chứng cứ, xem xét thẩm định tại chỗ, đo đạc, định giá tài sản. Nguyên đơn đã nộp đủ 13.204.000VNĐ (mười ba triệu hai trăm lẻ bốn ngàn đồng) nên bị đơn có nghĩa vụ giao lại cho nguyên đơn số tiền là 6.602.000VNĐ (sáu triệu sáu trăm lẻ hai ngàn đồng).

[14] Về án phí dân sự sơ thẩm:

[14.1] Anh P, anh T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 5% của phần tài sản được chia thừa kế (có giá trị là 154.737.000VNĐ (một trăm năm mươi bốn triệu bảy trăm ba mươi bảy ngàn đồng)) là 7.737.000VNĐ (bảy triệu bảy trăm ba mươi bảy ngàn đồng).

[14.2] Cụ B là người cao tuổi, có đơn xin miễn án phí nên cụ B được miễn nộp án phí dân sự sơ thẩm đối với phần chia tài sản chung, chia thừa kế.

[14.3] Bà K, bà H, bà T1, bà Ngọc T1 mỗi người được chia thừa kế phần đất có giá trị là 154.737.000VNĐ (một trăm năm mươi bốn triệu bảy trăm ba mươi bảy ngàn đồng) nên Bà K, bà H, bà T1, bà Ngọc T1 mỗi người phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 5% của số tiền 154.737.000VNĐ (một trăm năm mươi bốn triệu bảy trăm ba mươi bảy ngàn đồng) là 7.737.000VNĐ (bảy triệu bảy trăm ba mươi bảy ngàn đồng).

[14.4] Bà L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 5% đối với phần tài sản được chia thừa kế là 154.737.000VNĐ (một trăm năm mươi bốn triệu bảy trăm ba mươi bảy ngàn đồng) và số tiền phải bồi thường là giá trị chuồng heo, hàng rào xung quanh chuồng heo, giá trị 05 (năm) cây dừa; cụ thể được tính như sau: $(154.737.000VNĐ + 35.798.000VNĐ + 7.616.000VNĐ + 8.250.000VNĐ) \times 5\% = 10.320.000VNĐ$ (mười triệu ba trăm hai mươi ngàn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 288, 468, 649, 650, 651, 652, 688 của Bộ luật Dân sự năm 2015; các điều 5, 147, 157, 165, 217, 219, 244, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các điều 12, 15, 26, 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên:

1/ Đình chỉ xét xử yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc tuyên văn bản phân chia tài sản thừa kế ngày 17/11/2016 được Ủy ban nhân dân xã K, huyện M, tỉnh Bến Tre chứng thực ngày 21/11/2016 là vô hiệu.

2/ Chia cho anh Lê Văn Thanh P, anh Lê Thanh T được quyền sử dụng thửa đất số 559C (có diện tích 325,4m²), tờ bản đồ số 9 trong đó có 50m² đất ở nông thôn và thửa đất số 559D (có diện tích 106,3m²), tờ bản đồ số 9, trong đó có 50m² đất ở nông thôn; trên đất có nhà, công trình phụ, cây trồng do bà Á, anh P, anh T hiện đang quản lý, sử dụng.

3/ Buộc anh Lê Văn Thanh P và anh Lê Thanh T có nghĩa vụ liên đới giao lại cho bà Lê Thị Mộng L số tiền là: 47.943.000VNĐ (bốn mươi bảy triệu chín trăm bốn mươi ba ngàn đồng).

4/ Bà Lê Thị Mộng L được quyền sử dụng phần đất thuộc thửa 559A (có diện tích 66,7m²), thửa 559B (có diện tích 2078,7m²); 559E (có diện tích 269,3m²); thửa 559F (có diện tích 216,4m²); thửa 560 (có diện tích 1690,9m²); thửa 561 (có diện tích 465,1m²); trong đó thửa 559B có 200m² đất ở nông thôn. Trên thửa 559A có tường rào cột bê tông cốt thép, xây gạch, phía trên gắn lưới B40 do bà Lê Thị D xây dựng; thửa 559B có tiệm may, mái che tole, hàng rào trụ bê tông đúc sẵn, chôn chân, gắn lưới B40 của bà L, đường đi bằng bê tông xi măng, nhà, mái che, cây trồng của cụ B; thửa 559E có chuồng heo, hàng rào xung quanh chuồng heo, cây trồng; thửa 559F có ba ngôi mộ; thửa 560, 561 hiện do ông H1, bà O đang sử dụng, trên đất có đường đi làm bằng xi măng, tường kê cặp đường đi, tường rào, nhà tiền chế, mái che, hàng rào xây gạch, hàng rào lưới B40, nhà khung cột bê tông cốt thép, mái lợp tole kẽm, vách xây gạch dày 100mm, quét vôi, không trần và cây trồng trên đất.

5/ Buộc bà Đặng Thị Á, anh Lê Thanh T, anh Lê Văn Thanh P có nghĩa vụ di dời vật nuôi để giao thửa đất số 559E và chuồng heo (có kết cấu cột bê tông cốt thép chôn chân, tường xây lửng, nền xi măng, mái lợp tole, diện tích 83,64m²), hàng rào xung quanh chuồng heo (trụ bê tông cốt thép chôn chân, kéo lưới B40,

diện tích 44,28m²), cây trồng (năm cây dừa trên sáu năm tuổi) cho bà Lê Thị Mộng L.

6/ Buộc bà Lê Thị Mộng L có nghĩa vụ bồi thường cho anh Lê Thanh T: Giá trị của chuồng heo là 35.798.000VNĐ (ba mươi lăm triệu bảy trăm chín mươi tám ngàn đồng); giá trị của hàng rào xung quanh chuồng heo là 7.616.000VNĐ (bảy triệu sáu trăm mười sáu ngàn đồng); tổng cộng bà Lê Thị Mộng L phải bồi thường cho anh Lê Thanh T số tiền là 43.414.000VNĐ (bốn mươi ba triệu bốn trăm mười bốn ngàn đồng).

7/ Buộc bà Lê Thị Mộng L có nghĩa vụ bồi thường cho bà Đặng Thị Á giá trị của 05 (năm) cây dừa trên sáu năm tuổi là 8.250.000VNĐ (tám triệu hai trăm năm mươi ngàn đồng).

8/ Tất cả các thửa đất như đã nêu thuộc tờ bản đồ số 9, tọa lạc tại ấp T, xã K, huyện M, tỉnh Bến Tre, có họa đồ hiện trạng sử dụng đất ngày 25/3/2024 của Chi nhánh Văn phòng Đăng ký Đất đai huyện M, tỉnh Bến Tre kèm theo.

9/ Kiến nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho bà Lê Thị Mộng L đối với thửa đất số 559, tờ bản đồ số 9 (giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được cấp ngày 05/12/2016, số CG 583775, số vào sổ cấp giấy chứng nhận: CS03750) để cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho anh Lê Thanh T, anh Lê Văn Thanh P, bà Lê Thị Mộng L như đã nêu trên. Các đương sự có nghĩa vụ liên hệ với cơ quan có thẩm quyền tiến hành các thủ tục để được công nhận quyền sử dụng đất đối với phần đất đã nêu trên. Riêng đối với thửa đất số 560, 561 tại hai giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho bà L vào ngày 05/12/2016 đã có sự điều chỉnh về việc chuyển quyền sử dụng đất cho ông Đặng Văn H1, bà Trần Thị Kiều O, do các đương sự không có tranh chấp về việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất này nên không xem xét, xử lý.

10/ Về xử lý tiền tạm ứng chi phí cho việc thu thập chứng cứ, xem xét thẩm định tại chỗ, đo đạc, định giá tài sản: Buộc bị đơn là cụ Lữ Thị B, bà Lê Thị Mộng L, bà Lê Thị Ngọc T1, bà Lê Thị T1, bà Lê Thị K, bà Lê Thị Kim H có nghĩa vụ liên đới giao lại cho anh Lê Văn Thanh P, anh Lê Thanh T ½ chi phí cho việc thu thập chứng cứ, xem xét thẩm định tại chỗ, đo đạc, định giá tài sản là 6.602.000VNĐ (sáu triệu sáu trăm lẻ hai ngàn đồng).

11/ Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn

phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

12/ Về án phí dân sự sơ thẩm:

12.1) Cụ Lữ Thị Bá miễn nộp án phí dân sự sơ thẩm.

12.2) Anh Lê Văn Thanh P, anh Lê Thanh T phải nộp 7.737.000VNĐ (bảy triệu bảy trăm ba mươi bảy ngàn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm mà anh P, anh T đã nộp là 2.500.000VNĐ (hai triệu năm trăm ngàn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0000695 ngày 28/4/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre, anh Lê Văn Thanh P và anh Lê Thanh T còn phải có nghĩa vụ liên đới nộp 5.237.000VNĐ (năm triệu hai trăm ba mươi bảy ngàn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

12.3) Bà Lê Thị K phải nộp 7.737.000VNĐ (bảy triệu bảy trăm ba mươi bảy ngàn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm mà bà K đã nộp là 3.728.000VNĐ (ba triệu bảy trăm hai mươi tám ngàn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0005319 ngày 05/9/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre, bà Lê Thị K còn phải tiếp tục nộp 4.009.000VNĐ (bốn triệu không trăm lẻ chín ngàn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

12.4) Bà Lê Thị Kim H phải nộp 7.737.000VNĐ (bảy triệu bảy trăm ba mươi bảy ngàn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm mà bà H đã nộp là 3.728.000VNĐ (ba triệu bảy trăm hai mươi tám ngàn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0005318 ngày 05/9/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre, bà Lê Thị Kim H còn phải tiếp tục nộp 4.009.000VNĐ (bốn triệu không trăm lẻ chín ngàn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

12.5) Bà Lê Thị Ngọc T1 phải nộp 7.737.000VNĐ (bảy triệu bảy trăm ba mươi bảy ngàn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm mà bà Ngọc T1 đã nộp là 3.728.000VNĐ (ba triệu bảy trăm hai mươi tám ngàn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0005317 ngày 05/9/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre, bà Lê Thị Ngọc T1 còn phải tiếp tục nộp 4.009.000VNĐ (bốn triệu không trăm lẻ chín ngàn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

12.6) Bà Lê Thị T1 phải nộp 7.737.000VNĐ (bảy triệu bảy trăm ba mươi bảy ngàn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm mà bà T1 đã nộp là 3.728.000VNĐ (ba triệu bảy trăm hai mươi

tám ngàn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0005320 ngày 05/9/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre, bà Lê Thị T1 còn phải tiếp tục nộp 4.009.000VNĐ (bốn triệu không trăm lẻ chín ngàn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

12.7) Bà Lê Thị Mộng L phải nộp 10.320.000VNĐ (mười triệu ba trăm hai mươi ngàn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm mà bà L đã nộp là 3.728.000VNĐ (ba triệu bảy trăm hai mươi tám ngàn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0005316 ngày 05/9/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre, bà Lê Thị Mộng L còn phải tiếp tục nộp 6.592.000VNĐ (sáu triệu năm trăm chín mươi hai ngàn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

12.8) Hoàn trả lại cho bà Đặng Thị Á số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000VNĐ (ba trăm ngàn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002888 ngày 18/7/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre.

13/ Về quyền kháng cáo đối với bản án: Người tham gia tố tụng có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Riêng người tham gia tố tụng vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre giải quyết lại vụ án theo thủ tục phúc thẩm.

14/ Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Mỏ Cày Bắc;
- Chi cục T.H.A.D.S huyện Mỏ Cày Bắc;
- Phòng KTNV và T.H.A-TAND tỉnh Bến Tre;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, Vp, Bp.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(Đã ký)

Nguyễn Văn Nguyễn

